

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2019/HNGĐ-ST.

Ngày 24-10-2019.

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Như Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Hoài Hiêm;

Ông Ngô Minh Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 636/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Q, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện Tr, tỉnh TN- Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Võ Văn V, sinh năm 1976; địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện Tr, tỉnh TN- Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị Q trình bày: Chị và anh V có quan hệ tình cảm với nhau từ năm 2000, nhưng đến năm 2008 chị và anh V mới chính thức chung sống với nhau, vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Lý do không đăng ký kết hôn là do chị không biết và anh V cũng không yêu cầu đi đăng ký. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung với mẹ chồng tại ấp L, xã H, huyện Tr. Từ khi chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, lần cuối cùng là vào ngày 10-02-2019 vợ chồng cãi vã nhau chị bỏ về nhà mẹ ruột cũng ở ấp L, xã H sống đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc tiền bạc nên cãi vã nhau và anh V có đánh chị nên chị bỏ đi, vợ chồng chính thức ly thân

từ ngày 10-02-2019 đến nay. Trong thời gian xảy ra mâu thuẫn, hai vợ chồng không có nói chuyện hòa giải với nhau, gia đình hai bên nên không có giải quyết cho vợ chồng. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Thảo.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trương Nhật U, sinh ngày 19-01-2002 và Võ Thị Thanh R, sinh ngày 06-05-2011, hiện nay các con đang sống với chị. Lý do cháu U lại lấy họ Trương vì lúc chị sinh cháu U anh R đang chấp hành án ở trại giam và hai bên cũng có mâu thuẫn nên khi làm khai sinh con chị lấy họ của chị đặt cho con. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi hết hai cháu và không yêu cầu chồng cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Võ Văn V trình bày: Anh thống nhất lời trình bày của chị Q về ngày tháng chung sống, con chung, tài sản chung, nợ chung và thời gian ly thân là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn do từ khi vợ chồng chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong việc tiền bạc và cách sống dẫn đến cãi vã nhau và mỗi khi mâu thuẫn là vợ lại bỏ nhà đi, lần cuối vợ bỏ đi và vợ chồng chính thức ly thân là từ tháng 02-2019 đến nay.

Nguyện vọng: Anh đồng ý ly hôn với chị Q. Về con chung: Tùy theo nguyện vọng của con theo ai người đó nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn; Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự; theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

2. Việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, 53, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng tuyên xử:

- Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Q với anh Thảo.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Trương Nhật U, sinh ngày 19-01-2002 và Võ Thị Thanh R, sinh ngày 06-05-2011 cho chị Q tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận anh V đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu U, cháu R số tiền 2.000.000 đồng/ tháng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Q với anh V chung sống với nhau vào năm 2008, không có đăng ký kết hôn. Đến tháng 02-2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong chuyện tiền bạc lẫn cách sống, từ đó dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau, gây mất hạnh phúc gia đình. Hai người đã sống ly thân từ tháng 02-2019 đến nay, không ai có thiện chí hàn gắn. Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống hôn nhân của chị Q và anh V không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay chị Q yêu cầu ly hôn, áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Q với anh Thảo.

[2] Về con chung: 02 con chung tên Trương Nhật U, sinh ngày 19-01-2002 và Võ Thị Thanh R, sinh ngày 06-05-2011, hiện nay hai cháu đang sống với chị Q. Xét thấy, cháu U và cháu R đều đã trên 07 tuổi, qua làm việc cả hai cháu đều có nguyện vọng được sống với mẹ và chị Q cũng có yêu cầu được nuôi hai cháu. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao chị Q tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu U và cháu R là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận anh V đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu U, cháu R mỗi cháu số tiền 1.000.000 đồng/ tháng.

[3] Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí: Chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; anh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 14, Điều 15, 53, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trương Thị Q đối với anh Võ Văn Thảo.

2. Về con chung:

- Giao con chung: Tên Trương Nhật U, sinh ngày 19-01-2002 và Võ Thị Thanh R, sinh ngày 06-05-2011 cho chị Q có quyền, nghĩa vụ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục;

- Anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu U, cháu R mỗi cháu số tiền 1.000.000 đồng/ tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi cháu U, cháu R đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Q phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị Q đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017583 ngày 02-10-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. (Chị Q đã nộp đủ án phí).

Anh V phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

5. Quyền kháng cáo: Chị Q và anh V được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hà Như Thủy